

Kinh tế Tuy-ni-di năm 2010 và triển vọng 2011

Trong những năm qua, Tuy-ni-di đã đạt được những thành tựu kinh tế, xã hội quan trọng, được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Theo bảng xếp hạng của Diễn đàn Davos, nước này đứng thứ 2 trên 139 quốc gia về tiêu chí quản lý kinh tế, đứng thứ nhất khu vực Ả rập và thứ 3 châu Phi về năng lực cạnh tranh kinh tế, ổn định xã hội và an ninh, đứng thứ nhất châu Phi và thứ 37 thế giới về chất lượng sống. Tỷ lệ đói nghèo đã giảm đáng kể từ 60% năm 1960 xuống còn 3,8% năm 2007. Tầng lớp trung lưu chiếm tới 81% dân số. Tuy-ni-di còn thực hiện thành công các chương trình về đoàn kết xã hội, phát huy các quyền vì sự tiến bộ của trẻ em và phụ nữ. Tất cả những kết quả đó thể hiện tính đúng đắn trong các lựa chọn và định hướng mà nước này đã thông qua, biến Tuy-ni-di thành một bên cạnh của hoà bình, ổn định điển hình trong khu vực. Tuy-ni-di là nước đầu tiên ở khu vực Địa Trung Hải ký Hiệp định liên kết và tự do mậu dịch với EU năm 1995, có hiệu lực ngày 01/01/2008. Tuy-ni-di cũng ký nhiều FTA với Gioóc-đa-ni, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập và Ma-rốc, do vậy nước này có thể là cửa ngõ để luồng vốn đầu tư và sản phẩm của Việt Nam thâm nhập các thị trường Maghreb, Ả rập, châu Âu và châu Phi.

1/ Toàn cảnh nền kinh tế

Cho đến nay, Tuy-ni-di đối phó tương đối tốt với những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Nếu như tỷ lệ tăng trưởng GDP thực tế giảm mạnh từ 6,3% năm 2007 xuống còn 4,6% năm 2008 và 3,1% năm 2009 thì việc sụt giảm này một phần đã được bù đắp bằng vụ thu hoạch ngũ cốc bội thu và hoạt động mạnh mẽ của các lĩnh vực công nghiệp khai thác và năng lượng.

Việc tăng trưởng chậm lại trong năm 2009 do giảm xuất khẩu hàng công nghiệp sang thị trường châu Âu đã được kiểm soát. Ngoài ra, nền kinh tế đã thành công

trong việc tránh được các cú sốc do kết thúc Hiệp định đa sợi (AMF) và việc loại bỏ thuế quan của EU đối với hàng hoá các nước như Thổ Nhĩ Kỳ, Giéc-đa-ni, Ai Cập và Ma-rốc.

Tuy-ni-di cũng biết cách chống chọi với những cú sốc của việc tăng giá nhiên liệu thế giới và giá các sản phẩm ngũ cốc. Thật vậy, tỷ lệ lạm phát chỉ ở mức 3,5% năm 2009 (năm 2008 là 5,1%) nhờ chính sách bù giá các sản phẩm cơ bản, việc giảm giá các mặt hàng trên thế giới và nhờ việc tiếp tục thực hiện một chính sách tiền tệ thận trọng. Mặc dù đã tránh được những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính song Tuy-ni-di vẫn phải tiếp tục đối mặt với các tác động thực sự của việc giảm cầu châu Âu trong hai năm tới. Việc giảm này có nguy cơ ảnh hưởng nhiều hơn đến sản xuất và xuất khẩu linh kiện ô tô và hàng may mặc. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng có thể tạo cơ hội cho việc thu hút đầu tư nước ngoài: khi tìm cách giảm chi phí, các doanh nghiệp thuộc các nước công nghiệp hoá sẽ phải dịch chuyển địa điểm sản xuất nhiều hơn và Tuy-ni-di có thể hưởng lợi một phần từ xu hướng này.

Kinh tế Tuy-ni-di đã được đa dạng hoá và một số biện pháp nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng đã được thông qua. Trong giai đoạn đầu, Chính phủ đã có những biện pháp can thiệp để bảo đảm an toàn cho hệ thống ngân hàng và tài chính, giữ cho thị trường tiền tệ và chứng khoán hoạt động bình thường, đồng thời lùi thời hạn tự do hoá tài khoản vốn từ năm 2010 đến 2014. Trong giai đoạn hai, các biện pháp phục vụ doanh nghiệp đã được đưa ra, liên quan đến hai đòn bẩy của sự tăng trưởng là xuất khẩu và cầu nội địa.

Do đó, chính sách được thông qua năm 2009 dựa trên i) phục hồi cầu trong nước thông qua việc tăng lương và năng động hoá đầu tư công cộng ; ii) thúc đẩy các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng cách tác động lên chi phí sản xuất và tính cạnh tranh; và iii) hỗ trợ các nhà xuất khẩu. Mặc dù đã triển khai những biện pháp này, các kết quả về việc làm đặc biệt là đối với những cử nhân mới tốt nghiệp vẫn còn

thấp và tình hình ngày càng tồi tệ. Tỷ lệ thất nghiệp trung bình năm 2008 là 14,1%, cao nhất là độ tuổi 20-24 chiếm 30%. Tỷ lệ thất nghiệp ở người tốt nghiệp đại học là 19%. Tỷ lệ thất nghiệp đã làm ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng dài hạn, giảm việc khuyến khích đầu tư vào giáo dục, dẫn đến lãng phí nguồn tài chính công.

Để giải quyết những thách thức này, Tuy-ni-di cần phải chuyển đổi cơ cấu sản xuất hiện chủ yếu dựa vào các lĩnh vực sử dụng nhiều nhân công tay nghề thấp để phát triển những lĩnh vực sử dụng nhiều lao động tay nghề cao, đặc biệt mang lại giá trị gia tăng lớn, có khả năng thúc đẩy tỷ lệ tăng trưởng trong nước lên một mức cao hơn.

Còn báo cáo Doing Business 2010 của Ngân hàng thế giới đã xếp Tuy-ni-di trong số 10 nước đứng đầu thế giới A rạp nhờ các cuộc cải cách quan trọng về hệ thống thuế, an ninh xã hội và ngoại thương. Nước này đã áp dụng thanh toán điện tử (khai báo và thanh toán từ xa), giúp giảm bớt cường độ thanh toán, thời gian nộp thuế, giảm việc trốn thuế và chi phí giao dịch. Tuy-ni-di cho phép các doanh nghiệp kê khai các khoản đóng góp xã hội qua mạng internet và xây dựng cơ chế một cửa trực tuyến (Tunisian Trade Net) nhằm đơn giản hoá các thủ tục ngoại thương. Các cuộc cải cách hệ thống thuế kết hợp với việc hợp lý hoá những khoản chi công đã giúp cải thiện các chỉ số tài chính công.

Năm 2009, tỷ lệ tăng trưởng của nền kinh tế Tuy-ni-di đã phải điều chỉnh giảm xuống còn 3,1% (năm 2008 là 4,6%), một kết quả không tồi trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn với những tác động đầu tiên của cuộc khủng hoảng tài chính từ cuối 2008 và sự giảm mạnh sản xuất trong nước của các ngành công nghiệp chế biến (-6,0%). Việc trụ vững tương đối tốt của nền kinh tế Tuy-ni-di chủ yếu nhờ vào việc tăng sản lượng nông nghiệp và đánh bắt cá (+6,0%) nhờ một năm mưa nhiều và tăng sản xuất của các ngành công nghiệp khai thác (+5,3%) trong đó có

mỏ (+6,7%) và hydrôcacbua (+13,0%). Tăng trưởng sẽ tiếp tục phục hồi nhờ môi trường quốc tế được cải thiện nhất là tại đa số các quốc gia công nghiệp hoá.

Tỷ lệ tăng trưởng của Tuy-ni-di có thể lấy lại tốc độ 4% năm 2010 và 4,5% vào năm 2011. Sự giảm cầu của châu Âu tác động mạnh nhất đến các ngành công nghiệp dệt may, da giày (-13%) do sức mua của người tiêu dùng châu Âu giảm, đồng thời ảnh hưởng cả đến ngành công nghiệp hoá chất (-8%) và các ngành công nghiệp cơ khí và điện (-11%) do giảm xuất khẩu xe ô tô.

Nền kinh tế Tuy-ni-di còn mang tính đối ngẫu giữa một bên là lĩnh vực hướng ngoại, năng động, chuyên về xuất khẩu, tham gia vào quá trình toàn cầu hoá thường do các nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ và một bên là lĩnh vực hướng tới thị trường trong nước. Thị trường này đang được bảo vệ tương đối tốt khỏi cuộc cạnh tranh thế giới và cần phải tiếp tục nỗ lực nhiều hơn để thích nghi. Chẳng hạn, những viễn cảnh tăng trưởng kinh tế của Tuy-ni-di đang bị hạn chế bởi cơ cấu sản xuất hiện nay không cho phép thực hiện một mức tăng trưởng cao hơn. Cơ cấu này bộc lộ 2 điểm yếu : i) sự phụ thuộc mạnh vào cầu của châu Âu và điều kiện nông nghiệp, làm cho tăng trưởng không ổn định; và ii) sự chuyên môn hoá cao trong sản xuất hàng hoá sử dụng nhiều nhân công không có tay nghề, giá trị gia tăng thấp như dệt may, công nghiệp điện và cơ khí. Tình hình này làm cho tăng trưởng chỉ ở mức thấp không đủ giải quyết nhu cầu việc làm của những lao động mới và không giảm được tình trạng thất nghiệp của những người tốt nghiệp đại học.

Do vậy, Tuy-ni-di cần phải phát triển những lĩnh vực mới ở trình độ cao hơn (thiết kế và bất chước kiểu dáng) thay vì chỉ lắp ráp, gia công thông thường. Chiến lược này có thể giúp đạt được những tỷ lệ tăng trưởng cao hơn, sử dụng nhân lực lành nghề và giảm được sự lãng phí về tài chính. Việc chuyển đổi cơ cấu đòi hỏi phải chuyển đổi môi trường kinh tế-xã hội cho phù hợp, giúp thay đổi về chất trong môi

quan hệ tương tác giữa chính quyền, các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu, lĩnh vực tài chính, hoạt động của thị trường lao động và các doanh nghiệp tư nhân.

2/ Những phát triển kinh tế mới đây và viễn cảnh

Năm 2009, lĩnh vực dịch vụ đóng góp khoảng 45,8% GDP, tăng 5,5% nhờ lĩnh vực công nghệ thông tin liên lạc (ITC) tăng trưởng 15% và các tổ chức tài chính, tín dụng tăng trưởng 4%. Theo mục tiêu đề ra của Chính phủ, đóng góp của ITC vào GDP sẽ đạt 13,5% vào năm 2012 (năm 2009 là 11,4%). Ngoài ra, năm 2010 còn được đánh dấu bởi sự hiện diện của Divona Telecom Orange, nhà cung cấp lớn thứ ba về điện thoại cố định, di động và Internet vào thị trường Tuy-ni-di. Sự có mặt của công ty này sẽ cho phép cải thiện được các dịch vụ, giảm giá và có sự cạnh tranh mạnh hơn trong lĩnh vực viễn thông. Năm 2009, 88% người dân thuê bao điện thoại di động, 33,6% có Internet và 11% có 1 máy tính trong khi năm 2008 tỷ lệ này lần lượt là 82,7, 27,1 và 9,6%. Những kết quả này khẳng định đánh giá mới đây của Ngân hàng thế giới xếp Tuy-ni-di vào vị trí số 1 ở châu Phi về mật độ sử dụng điện thoại di động và về số máy tính trên đầu người, đồng thời cũng đứng số 1 Bắc Phi về chỉ số sử dụng ITC.

Mặc dù công nghệ thông tin đang là lĩnh vực chiến lược của đất nước và những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới, du lịch vẫn là một động lực đối với nền kinh tế Tuy-ni-di. Hoạt động này đã ghi nhận mức tăng trưởng 1% vào năm 2009 (năm 2008 là 4%) với số khách thăm quan nước ngoài đạt 7 triệu người, giảm 2,6% so với năm 2008.

Chiến lược phát triển mà Tuy-ni-di đã thông qua dựa trên hai đòn bẩy tăng trưởng: cầu nội địa và xuất khẩu. Năm 2009, trong khi cầu nội địa tiếp tục đóng góp đáng kể vào tăng trưởng GDP thực tế (2%) thì tăng trưởng xuất khẩu lại âm (-2,4%). Tiêu dùng cuối cùng đóng góp 2,5% GDP chủ yếu nhờ chi tiêu của các hộ gia đình.

Hoạt động tiêu dùng và đầu tư công cộng cũng tăng trong năm 2009 lần lượt là 4 và 1,5%, đóng góp 0,6% và 0,1% vào tỷ lệ tăng trưởng.

Về khả năng cạnh tranh toàn cầu, theo báo cáo 2008/2009 của Diễn đàn kinh tế thế giới, Tuy-ni-di đứng ở vị trí thứ nhất trong môi trường khu vực (khối A rập Mahgreb và châu Phi), thứ 5 trong thế giới A rập và thứ 36 ở cấp thế giới trên tổng số 134 nước. Tuy nhiên, trong báo cáo 2009/2010, Tuy-ni-di đã mất 4 bậc, chỉ đứng ở vị trí 40 trên 133 nước. Theo báo cáo này, Tuy-ni-di cần phải giải quyết các thách thức về tính không hiệu quả của thị trường lao động (ở vị trí 98).

3/ Các chính sách kinh tế vĩ mô

Các chính sách ngân sách và tiền tệ thận trọng do Tuy-ni-di tiến hành đã cho phép nước này giảm thiểu tác động của cuộc khủng hoảng thế giới đối với tăng trưởng và thất nghiệp, đồng thời bảo đảm tính ổn định của kinh tế vĩ mô.

Chính sách ngân sách

Sự giảm tăng trưởng năm 2009 đã kéo theo việc giảm các nguồn thu thuế và tăng thâm hụt ngân sách từ 0,8% năm 2008 lên 3,9% GDP năm 2009 và 3,5% năm 2010. Các chỉ số nợ nước ngoài tiếp tục được cải thiện (tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP giới hạn ở mức 41,5% năm 2009 trong khi năm 2008 là 42,6%) trong khi các chỉ số nợ công trong nước tiếp tục xấu đi, từ 47,5% GDP năm 2008 lên 48,7% năm 2009.

Việc tăng thâm hụt ngân sách chủ yếu do giảm mạnh tổng thu thuế, từ 26,5% GDP năm 2008 xuống còn 23,1% năm 2009 trong khi tổng chi của Nhà nước đã giảm nhẹ từ 27,3% GDP xuống còn 27%. Chính quyền đã tài trợ sự thâm hụt ngân sách này bằng cách đi vay trên thị trường nội địa mà không phân bổ tín dụng cho nền kinh tế do lượng tiền mặt trong hệ thống ngân hàng dồi dào. Việc giảm thu thuế một phần là do tiếp tục giảm thuế quan và thuế cho các doanh nghiệp đang gặp khó khăn để hạn chế các tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới.

Việc giảm thuế quan nhằm kích thích trao đổi kinh tế và tăng cường lợi thế so sánh của đất nước. Để hỗ trợ những doanh nghiệp đang gặp khó khăn và hạn chế thất nghiệp, Chính phủ đã quyết định giảm sức ép thuế nhất là thuế lợi tức và một số yếu tố trong chi phí sản xuất. Tuy nhiên, để bảo vệ nguồn thu tài chính và cân bằng các chỉ số kinh tế lớn, chính quyền mới đây đã thông qua các biện pháp thuế bù trừ để hạn chế thất thoát thuế.

Mặt khác, chính quyền Tuy-ni-di đã có những biện pháp để kiềm chế ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng thế giới, nhất là với chương trình phục hồi ngân sách ước tính chiếm 1,4% GDP. Ngoài ra, Chính phủ còn tiếp tục những chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh bằng cách đơn giản hoá các thủ tục hải quan và xây dựng những cơ sở hạ tầng tốt nhất để hỗ trợ hậu cần cho thương mại quốc tế. Chính quyền cũng dự kiến thiết lập một cơ quan trung gian hoà giải thuế nhằm giải quyết các tranh chấp gắn liền với việc khai báo thuế trước khi tiến hành một thủ tục tư pháp, điều này sẽ giúp giảm số lượng thu lại thuế.

Việc sử dụng một phần các khoản thu từ việc tư nhân hoá để hoàn trả một số khoản vay đã cho phép giảm tỷ lệ nợ công tính đến năm 2008 (53,7% GDP năm 2006, 50,0% năm 2007 và 47,5% năm 2008). Tuy nhiên, tỷ lệ này lại có xu hướng tăng nhẹ kể từ năm 2009 đạt 48,7% GDP và sẽ ở mức 49% năm 2010.

4/ Các vấn đề cơ cấu

Phát triển của lĩnh vực tư nhân

Tuy-ni-di tạo ra một môi trường đầu tư hấp dẫn nhờ nhiều biện pháp khuyến khích đầu tư nước ngoài. Theo báo cáo Kinh doanh của Ngân hàng thế giới 2010, nước này được xếp ở vị trí 69 trên tổng số 183 nước về môi trường kinh doanh và 65 trên tổng số 180 nước về chỉ số nhận thức tham nhũng của tổ chức Transparency International.

Kể từ năm 1986, Tuy-ni-di đã bước vào quá trình tư nhân hoá. Quá trình này đã trở thành một yếu tố quan trọng trong việc thiết lập nền kinh tế thị trường, phát triển đầu tư tư nhân, việc không can thiệp của Nhà nước đối với một số lĩnh vực mang tính cạnh tranh và giảm nhẹ nền tài chính công khỏi gánh nặng của một số doanh nghiệp liên tục bị thua lỗ. Từ năm 1987 đến 2009, 219 doanh nghiệp đã được tư nhân hoá mang lại 5976 triệu đina Tuy-ni-di (TND). Gần 90% đầu tư là của nước ngoài. Năm 2009, 5 doanh nghiệp Nhà nước đã được tư nhân hoá và mang lại cho ngân sách Nhà nước các khoản thu gần 100 triệu TND. Năm 2010, chương trình tư nhân hoá tập trung vào 12 doanh nghiệp trong đó có ba DN dưới hình thức chuyển nhượng.

Những phát triển mới đây

Lĩnh vực tài chính Tuy-ni-di đã không chịu những tác động trực tiếp của cuộc khủng hoảng thế giới. Tuy nhiên, chính quyền vẫn tiếp tục chiến lược dài hạn là lành mạnh hoá lĩnh vực ngân hàng, dẫn tới việc giảm tỷ lệ nợ khó đòi trong tổng số nợ từ 17,6% năm 2007 xuống còn 15,5% năm 2008 và tăng tỷ lệ tiền dự phòng từ 53,2% năm 2007 lên 56,8% năm 2008. Năm 2010, chính quyền tiếp tục nỗ lực lành mạnh hoá để tăng cường sự vững chắc trong hệ thống ngân hàng có tính đến việc mở cửa dần dần tài khoản vốn và tự do hoá đồng dinar năm 2014. Mặt khác chính quyền cũng mong muốn sửa đổi các khung pháp quy cho phù hợp và kiểm soát sự tiến triển của lĩnh vực này.

Tuy-ni-di đã đưa ra những siêu dự án về cơ sở hạ tầng nhằm trở thành một trung tâm thương mại và dịch vụ quốc tế, hội nhập hơn nữa vào môi trường thế giới và khu vực. Các công trường được mở tại vùng Đại Tunis và các vùng khác như Enfidha đã cho phép tạo ra nhiều việc làm và thu hút được các nguồn tài chính từ bên ngoài. Đặc biệt phải kể đến dự án sân bay quốc tế Enfidha trong đó việc khai thác bắt đầu từ tháng 3/2010 với công suất tiếp nhận ban đầu là 7 triệu hành khách

mỗi năm. Ngoài ra còn có dự án liên quan đến cảng nước sâu gồm 1 khu hậu cần và các hoạt động kinh tế với diện tích 2000 ha.

Song song với đó, Tuy-ni-di còn lên chương trình các dự án xúc tiến du lịch lớn nhằm thúc đẩy hoạt động kinh tế. Chẳng hạn, khu thể thao Tunis của Tập đoàn Abou Khater thuộc Các tiểu vương quốc A rập thống nhất với diện tích 256 ha ở ngoại ô phía Bắc thủ đô Tunis hoặc dự án cảng Tunis Financial Harbour (TFH). Đây là trung tâm dịch vụ tài chính đầu tiên của nước ngoài đặt tại khu vực Bắc Phi đi vào hoạt động vào năm 2014 tại El-Hassiane, bao gồm 1 cơ sở hạ tầng tài chính hiện đại. Việc khởi công sẽ được tiến hành vào năm 2010 ở phần lõi vào cảng, chiếm khoảng 35% tổng chi phí ước tính 3 tỷ USD.

Cầu Radès-La Goulette đưa vào sử dụng ngày 21/3/2009 nối liền ba thành phố Tunis, Ben Arous và Ariana. Công trình này có chiều cao 20m so với mực nước biển và được cố định bằng hai tháp cao 45 mét, cho phép lưu thông người và hàng hoá.

Hoàng Đức Nhuận (theo OECD)